

Số: /BC-UBND

Lộc Hà, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bình An, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Văn bản số 4859/UBND-NL₅ ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về giao thẩm tra, thẩm định, tham mưu thừa nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới sau sáp nhập;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Bình An tại Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 11/9/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Bình An đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá của các phòng, ngành phụ trách tiêu chí nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bình An, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra từ ngày 13/9/2023 đến ngày 20/9/2023.

1. Về Hồ sơ

Hồ sơ đánh giá từng tiêu chí nông thôn mới: Đầy đủ, đúng quy định theo hướng dẫn của các sở, ngành chức năng của tỉnh về hướng dẫn hồ sơ đánh giá đạt chuẩn từng tiêu chí nông thôn mới chuyên ngành liên quan.

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới: Đầy đủ, đúng quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Ngay sau khi tiếp thu các văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ của tỉnh, của huyện về thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ, HĐND, UBND xã Bình An đã ban hành: Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 07/01/2023 về việc tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của Hội đồng nhân dân xã Bình An về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023; các quyết định về thành lập BCD, BQL xây dựng nông thôn mới xã; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc chọn thôn xây dựng khu dân cư kiểu mẫu; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng khu dân cư kiểu mẫu; Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 về việc phê duyệt Khung Kế hoạch thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới xã đạt chuẩn năm 2023 tại xã Bình An; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 29/7/2023 của HĐND xã về ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bình An giai đoạn 2023 - 2025; các văn bản phân công nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tại các thôn;...

Xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là trọng tâm nên Ban Chỉ đạo xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chi tiết tại từng thôn, giao rõ nhiệm vụ, công việc và có kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện. Các thành viên BCD, BQL trực tiếp phụ trách các tiêu chí nông thôn mới được phân công nhiệm vụ cụ thể, trực tiếp xuống tận thôn hướng dẫn tổ chức thực hiện; hàng tuần, hàng tháng đều tổ chức giao ban đánh giá kết quả, soát xét triển khai nhiệm vụ, có kế hoạch cụ thể cho những tháng tiếp theo, từ đó đã huy động được cả hệ thống chính trị và người dân vào cuộc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả.

Các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, của huyện, của xã được cập nhật kịp thời và tổ chức tuyên truyền, quán triệt thường xuyên, sâu rộng, hiệu quả đến cán bộ, đảng viên và đến tận người dân hiểu, thực hiện.

Hàng tuần duy trì tổ chức giao ban đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong tuần, triển khai kế hoạch tuần tới. Ngày thứ Bảy, Chủ nhật hàng tuần các tổ chức đoàn thể, cán bộ công chức đều tham gia ngày công lao động giúp đỡ các thôn, xóm thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới và đã thực sự trở thành ngày nông thôn mới của xã.

Với cách làm sáng tạo, đồng bộ các giải pháp, sự hưởng ứng vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng chung sức của nhân dân, đến năm 2023 xã Bình An đã hoàn thành 20/20 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022 - 2025; đây sẽ là tiền đề để xã phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn;

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Sau khi sáp nhập xã, trên cơ sở các quyết định ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới của Trung ương, tỉnh; UBND xã đã tổ chức khảo sát từng tiêu chí, xây dựng dự thảo Đề án, các đề án. Tổ chức hội nghị Đảng bộ, hội nghị liên tịch và các cuộc họp xóm, để xin ý kiến đóng góp xây dựng Đề án, các đề án.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Điều tra khảo sát từng nội dung yêu cầu của tiêu chí.

+ Lập Đề án xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

+ Tổ chức công bố quy hoạch tại Hội nghị liên tịch và hội nghị nhân dân 11/11 thôn.

+ Niêm yết công khai các loại bản đồ quy hoạch tại trụ sở UBND xã, các điểm nút giao thông quan trọng của xã, tại Nhà văn hóa 11 thôn.

+ Tổ chức việc cắm bổ sung 193 mốc quy hoạch nghĩa trang; 503 mốc các tuyến đường giao thông, các khu chức năng, sân thể thao của xã.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 về phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng Nông thôn mới xã Bình An;

+ Công bố rộng rãi Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các thôn, niêm yết các loại bản đồ quy hoạch tại trụ sở UBND xã, các điểm nút giao thông quan trọng của xã, tại nhà văn hóa 11 thôn.

+ Hoàn thành cắm mốc chỉ giới các tuyến đường giao thông, sân thể thao của xã, các khu chức năng và các khu vực cấm xây dựng theo quy hoạch: 503/503 mốc đạt 100%.

+ Có Quy định về quản lý quy hoạch đã được UBND huyện Lộc Hà phê duyệt tại Quyết định số 4372/QĐ-UBND ngày 02/10/2020.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100%;

- Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100%;

- Đường ngõ xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường trục xã và trục thôn, bản trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước hai bên đường: $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được): 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung các nguồn lực tổ chức xây dựng các tuyến đường, xây dựng mương rãnh thoát nước, trồng cây xanh bằng nhiều hình thức như xã làm chủ đầu tư, các thôn huy động nguồn lực trong dân để thực hiện và các nhóm hộ dân tự làm bằng cơ chế Nhà nước hỗ trợ xi măng, nguồn vốn trực tiếp của Chương trình xây dựng Nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình lồng ghép, nguồn vốn của các dự án và ngân sách xã.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đường trục thôn, liên thôn: Đã thực hiện 5.100m rải thảm nhựa

+ Đường ngõ xóm: Đã thực hiện 3.090m

- + Đường trục chính nội đồng: Đã thực hiện 3.320m
- + Làm được 3.000m rãnh thoát nước trong khu dân cư
- Khối lượng đã thực hiện:
 - + Đường trục xã, liên xã: Đạt 10,1/10,1km, đạt 100%
 - + Đường trục thôn, liên thôn: Đạt 11,58/11,87, đạt 98%.
 - + Đường ngõ xóm: Đạt 17/20,718, đạt 82%.
 - + Đường trục chính nội đồng: Đạt 19,88/20,821, đạt 96%.
- + Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước 2 bên đường: Đạt 9,235km/10,815km, đạt 85,4%.
- + Đường trục xã có trồng cây bóng mát (đối với những đoạn có thể trồng được): Đạt 4,16/4,16km, đạt 100%.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên, trong đó ít nhất 20% diện tích đất sản xuất cây lâu năm (cam, bưởi, chè,...) được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;
- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tổ chức nạo vét kênh mương, nâng cấp trạm bơm đảm bảo tưới cho diện tích trồng lúa và các cây trồng khác. Phối hợp với huyện, tỉnh tổ chức tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai cho cán bộ, công chức cấp xã, thành lập Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và phân công trách nhiệm vụ thể cho các thành viên. Hàng năm xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thường xuyên duy trì hoạt động của đội xung kích, mua sắm đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động.

- Các nội dung đã thực hiện:

- + Tổ chức 9 đợt nạo vét kênh mương, nâng cấp trạm bơm Đòng Đội, làm mới kênh trạm bơm Nam Hà;
- + Kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai tại Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 25/3/2023 của UBND xã;
- + Kiện toàn đội xung kích cấp xã;

+ Xây dựng Kế hoạch về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 (Kế hoạch số 01/KH-PCTT ngày 15/3/2023);

+ Xây dựng các Phương án ứng phó với đối với các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Phương án số 07/PA-TKCN ngày 27/3/2023 về cứu trợ và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Bình An năm 2023; Phương án số 05/PA-ATGT-ANNT ngày 29/3/2023 về đảm bảo an toàn giao thông và phương tiện đường bộ, đường sông, an ninh trật tự xã hội về PCTT trên địa bàn xã năm 2023...;

+ Xây dựng hệ thống truyền thanh xã đảm bảo phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

+ Tổ chức tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 620/636 ha, đạt 98%; Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động 820/851 ha, đạt 96%;

+ Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn yêu cầu kỹ thuật của ngành điện;

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Phối hợp Điện lực Lộc Hà đánh giá hiện trạng hệ thống lưới điện (đường dây trung áp, hạ áp), hệ thống điện sau công tơ, điện trong nhà... để thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện đảm bảo yêu cầu theo tiêu chí NTM, quy định hiện hành về yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu đảm bảo an toàn cung cấp điện khu vực nông thôn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Di dời 50 cột điện, thay thế 35 cột điện và 2,5km đường dây điện hạ thế.

+ Bó lại dây cáp quang theo các trục đường liên xã 7km;

+ Tổ chức phát quang được 6 đợt với tổng chiều dài 17km;

+ Phối hợp với điện lực Lộc Hà tổ chức duy tu, bảo dưỡng các trạm biến áp.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Trên địa bàn xã có 13 trạm biến áp với tổng công suất 1980 KVA; 23,28km đường dây hạ áp (trong đó: Dây 0,4kV: 16,508km; Dây 0,2kV: 6,787km) và hệ thống điện sau công tơ, điện trong nhà đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, an toàn theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công Thương.

+ 100% (2.256/2.256) hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ lưới điện Quốc gia (không có trường hợp cấp điện từ năng lượng tái tạo, trạm diezen độc lập), đảm bảo có điện hằng ngày, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, chiếu sáng trong gia đình.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định:

+ Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1;

+ Các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó $\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung các nguồn lực tổ chức xây dựng cơ sở vật chất của các trường học thông qua nguồn vốn trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình lồng ghép, nguồn vốn của các dự án, ngân sách xã và nguồn đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh.

- Các nội dung đã thực hiện:

* Trường Mầm non:

+ Sáp nhập trường Mầm non Bình Lộc và Trường Mầm non An Lộc thành trường Mầm non Bình An địa điểm ở trường Mầm non An Lộc cũ.

+ Nâng cấp cải tạo vườn, làm vườn rau.

+ Xây tường bao, cổng trường, nhà bảo vệ.

+ Lát gạch toàn bộ sân trường.

+ Mua sắm thiết bị dạy học, thiết bị bán trú.

- + Mua bồ sung bàn ghế: 90 bộ.
- + Mua bồ sung đồ dùng, đồ chơi cho các cháu: 07 bộ.
- + Mua tủ đồ dùng cá nhân cho trẻ: 07 tủ.
- + Mua sắm cây cảnh, chậu hoa, trồng lại làm khuôn viên nhà trường, phía trước cổng trường.

*** Trường Tiểu học:**

+ Sáp nhập trường Tiểu học Bình Lộc và Tiểu học An Lộc thành Tiểu học Bình An.

- + Sửa chữa nâng cấp lại cổng và sân trường.
- + Xây mới một dãy nhà 2 tầng 8 phòng.
- + Sửa chữa nâng cấp lại hệ thống ánh sáng, quạt mát tại các phòng học phục vụ việc học tập cho các em.

*** Trường Trung học cơ sở:**

- + Xây mới một dãy nhà học 2 tầng.
- + Quét vôi, ve lại các phòng học, tường rào.
- + Tu sửa lại một số phòng học xuống cấp.
- + Đổ bê tông nhà xe học sinh, lát lại tuyến đường đi một số đoạn bị hỏng.

- Khối lượng thực hiện:

Trên địa bàn xã có 3 trường học (mầm non, tiểu học, THCS):

+ Bậc học mầm non: Có 2 điểm trường đáp ứng yêu cầu quy định của trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. Ở điểm hai trường học được xây dựng 8 phòng học, khuôn viên đảm bảo về diện tích theo quy định, có bếp ăn đạt chuẩn, đầu năm học 2023 - 2024 đã chuyển 230 cháu ở cơ sở cũ về học tại điểm mới rất khang trang, thoáng mát.

+ Bậc học tiểu học: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2021, phấn đấu đạt trường chuẩn mức độ 2 năm học 2025 - 2026;

+ Cấp THCS: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2022 - 2023.

Đến thời điểm hiện nay xã Bình An có 3/3 trường đều đạt Tiêu chí Trường học theo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 ban hành theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo yêu cầu;

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định;

- Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: 100%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung các nguồn lực tổ chức xây dựng cơ sở vật chất văn hóa của xã và của thôn. Nguồn vốn để thực hiện từ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình lồng ghép, nguồn vốn của các dự án, ngân sách xã, đóng góp của con em xa quê và nhân dân đóng góp.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xây dựng khuôn viên công sở xã; xây dựng, nâng cấp, làm hàng rào và trồng cây xanh tại khuôn viên sân vận động của xã.

+ Xây mới, nâng cấp, sửa chữa các Nhà văn hóa thôn.

+ Làm mới và thay thế các thiết chế trong nhà văn hóa thôn đảm bảo theo quy định. Chỉnh trang khuôn viên, trồng cây xanh phủ kín tường rào nhà văn hóa các thôn.

+ Xây dựng và nâng cấp các khu thể thao thôn đạt chuẩn.

+ Xây dựng điểm vui chơi giải trí cho người cao tuổi và trẻ em.

- Khối lượng thực hiện:

+ Nhà văn hoá xã: Đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi (350 chỗ), trang thiết bị khánh tiết và công trình phụ trợ, các phòng chức năng đầy đủ.

+ Khu thể thao xã: Đảm bảo đúng quy hoạch, sân vận động và sân thể thao đơn giản đạt chuẩn.

+ Điểm vui chơi giải trí cho người già và trẻ em: Bố trí ở vị trí trung tâm phù hợp, đảm bảo thuận lợi cho hoạt động vui chơi giải trí. Trang thiết bị tập luyện gồm 2 sân bóng chuyền và 6 món dụng cụ thể dục.

+ Nhà văn hoá và khu thể thao thôn: 11/11 thôn có Nhà văn hoá, khu thể thao đảm bảo sinh hoạt, đầy đủ trang thiết bị, bảng biểu.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

+ Xã có chợ nông thôn nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển chợ phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định tại Mục I, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương;

+ Xã không quy hoạch chợ hoặc có trong quy hoạch nhưng ở giai đoạn sau năm 2025, tại thời điểm xét công nhận chưa thực hiện thì: Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Mục II, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới chợ bằng nhiều nguồn vốn khác nhau như: nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, ngân sách các cấp, nguồn xã hội hóa... để xây dựng chợ đáp ứng các yêu cầu tiêu chí nông thôn mới. Làm tốt công tác quản lý, điều hành hoạt động của các hộ kinh doanh, tiểu thương, từ đó thúc đẩy quá trình giao thương, trao đổi hàng hóa, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đã tiến hành việc chuyển đổi mô hình quản lý chợ, đã hợp đồng chuyển giao cho HTX chợ Lộc Hà quản lý theo quy định.

+ Đã hoàn thành 01 đình chợ chính kiên cố, nền bê tông hóa.

- Khối lượng thực hiện:

Trên địa bàn xã có 01 chợ Huyện (chợ hạng III), diện tích 12.398m²; mặt bằng phù hợp với quy mô hoạt động chợ, diện tích tối thiểu 1 điểm kinh doanh đạt 3m²... Chợ được giao cho HTX đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác chợ Lộc Hà xây dựng, quản lý hình thức giao gắn với chuyển quyền sở hữu tài sản.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn;

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Phối hợp với ngành Bưu chính viễn thông huyện Lộc Hà tổ chức nâng cấp, sửa chữa điểm phục vụ bưu chính viễn thông. Tạo điều kiện về mặt bằng cho ngành bưu chính viễn thông xây dựng các tuyến dây dẫn về các thôn. Phối hợp với phòng Văn hóa - TT huyện xây dựng trang thông tin điện tử, tập huấn chuyển giao phần mềm điều hành tác nghiệp. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống truyền thanh cấp xã, thôn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đã tập trung tổ chức thực hiện nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại điểm phục vụ bưu chính viễn thông như mạng internet, mua ghế đá, quét vôi ve tường rào... đáp ứng tốt nhu cầu tiếp cận văn hóa, giải trí, liên lạc của bà con nhân dân trong toàn xã.

+ Hệ thống hạ tầng internet được mở rộng đến 11/11 thôn;

+ Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh cấp xã; Thành lập trang thông tin điện tử;

+ Tổ chức tập huấn về phần mềm điều hành tác nghiệp.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông đáp ứng các điều kiện theo quy định (cơ sở vật chất trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng cung cấp các dịch vụ theo quy định, có treo biển tên, niêm yết giờ hoạt động, thông tin phục vụ).

+ Xã có dịch vụ viễn thông, internet: 100% thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu về dịch vụ viễn thông, internet, hạ tầng cáp quang của các đơn vị viễn thông trên địa bàn huyện. Có 4 trạm BTS. 1.285/2.011 hộ có đăng ký kết nối internet.

+ Xã có đài truyền thanh vô tuyến đã được cấp phép, với 15 cụm loa ở 11 thôn đảm bảo 100% người dân nghe được thông tin.

+ Xã ứng dụng đầy đủ 4 phần mềm trong công tác quản lý điều hành theo quy định; 100% cán bộ công chức được trang bị máy vi tính làm việc; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến 176/407 (43%).

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Không có nhà tạm, nhà dột nát;

- Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 80\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tăng cường công tác vận động nhân dân trong việc xây dựng, chỉnh trang nhà ở và các công trình phụ trợ đảm bảo quy chuẩn, đặc biệt vận động, chỉ đạo

thực hiện việc xây mới, nâng cấp nhà ở người có công. Tập trung huy động đoàn viên, hội viên giúp đỡ ngày công đối với hộ gặp khó khăn trong việc xây mới nhà ở.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Hàng năm xã tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong việc chỉnh trang, sắp xếp nhà ở đảm bảo gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ.

+ Tổ chức đánh giá, rà soát nhà ở người có công chưa đảm bảo 3 cứng và chỉ đạo thực hiện việc xây mới.

+ Hỗ trợ xây dựng và hoàn thành 175 nhà ở xuống cấp và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Khối lượng thực hiện:

+ Đến nay, trên địa bàn xã không có nhà tạm, nhà dột nát;

+ Tỷ lệ nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố toàn xã có 2.067/2.099 nhà, đạt 98,5%.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người): Năm 2022: ≥ 39 tr.đồng; Năm 2023: ≥ 42 tr.đồng.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề dịch vụ để nâng cao thu nhập cho người dân. Ngoài cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước cấp trên, xã đã có các chính sách hỗ trợ về tài chính, tạo cơ chế về mặt bằng để khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế hộ, chăn nuôi kết hợp với làm gia trại tổng hợp. Tổ chức tư vấn việc làm xuất khẩu lao động, mở các lớp học nghề cho nhân dân.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Về phát triển sản xuất nông nghiệp: Trên cơ sở Đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân đã được huyện phê duyệt, hàng năm xã đã xây dựng các Đề án phát triển sản xuất theo từng vụ, sản lượng cây trồng, vật nuôi năm sau đạt cao hơn năm trước. Vận động nhân dân tăng cường phát triển sản xuất, thành lập các mô hình.

+ Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn như sữa chữa đồ điện, gò hàn, xây dựng, kinh doanh hàng tạp hóa...; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, củng cố và phát triển các HTX hoạt động có hiệu quả trên địa bàn

xã, tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi phát triển kinh tế gia đình.

+ Khuyến khích phát triển thương mại dịch vụ, nhiều hộ gia đình tham gia bán buôn, bán lẻ các loại hàng hoá, UBND xã đã chú trọng công tác tuyên truyền các văn bản về tuyển dụng lao động của các công ty, trung tâm dịch vụ việc làm tạo điều kiện cho các lao động tìm kiếm việc làm bằng con đường chính thống, tổ chức tư vấn việc làm xuất khẩu lao động, mở các lớp học nghề cho nhân dân.

+ Thực hiện Đề án tập trung tích tụ ruộng đất, phá bờ vùng, bờ thửa tổ chức sản xuất liên kết, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp hợp tác liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản thông qua các THT, HTX,...

+ Chương trình mỗi xã một sản phẩm được quan tâm thực hiện. Trên địa bàn xã đang tiến hành xây dựng sản phẩm Nấm, Dưa lưới và tiếp tục tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân khác có ý tưởng tốt, có khả năng phát triển tham gia Chương trình OCOP.

- Khối lượng thực hiện:

Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 43,05 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 <6,5%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hàng năm sau khi rà soát được hộ nghèo và đã được cấp trên phê duyệt xã đã phân loại, xác định nguyên nhân nghèo để có chính sách vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất, giúp hộ nghèo thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Tiến hành rà soát hộ nghèo hàng năm đảm bảo chính xác và đúng quy trình, kế hoạch của cấp trên;

+ Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng, kiến thức khoa học trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản... cho hộ nghèo và hộ cận nghèo;

+ Quản lý chặt chẽ nguồn vốn vay của hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo cho vay đúng đối tượng, đúng mục đích;

+ Phân bổ và chuyển giao bê giống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Kết quả thực hiện:

Đến ngày 20/9/2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, số hộ nghèo 169/1.914 hộ, tỷ lệ 7,57%; số hộ cận nghèo 118/1.914 hộ, tỷ lệ 5,29%. Tỷ lệ nghèo theo đánh giá nông thôn mới là 6,39%.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$
- Tỷ lệ qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hàng năm, tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, tổ chức đăng ký học nghề cho lao động nông thôn theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, gắn với nhu cầu thực tế lao động trong và ngoài nước để sau khi đào tạo là có việc làm. Tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về giải quyết việc làm khu vực nông thôn từ đó nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Tổ chức tuyên truyền các nội dung Kế hoạch số 403/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng; Phổ biến các chế độ, chính sách cùng quyền lợi trong và sau khi học nghề; định hướng chọn ngành, nghề thông qua nhu cầu tuyển dụng, môi trường làm việc.

+ Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từ đó mở rộng các mô hình chăn nuôi lợn, gia súc, gia cầm...

+ Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện thực hiện tốt công tác tư vấn, khảo sát đối tượng có nhu cầu học nghề để tuyển sinh tổ chức các lớp đào tạo sát đúng với nhu cầu của thị trường lao động.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77,21% (2.608/4.320 người), số liệu đến tháng 12/2022. Tuy nhiên, tỷ lệ này sẽ biến động vào cuối năm 2023 vì hiện nay xã

Bình An đang triển khai điều tra, thu thập thông tin người lao động dự kiến hoàn thành vào ngày 30/11/2023.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ xã Bình An đạt 55,98% (1.891/4.320), số liệu đến tháng 12/2022. Tuy nhiên, tỷ lệ này sẽ biến động vào cuối năm 2023 vì hiện nay xã Bình An đang triển khai điều tra, thu thập thông tin người lao động dự kiến hoàn thành vào ngày 30/11/2023.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.13. Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã theo các chỉ tiêu được công bố tại Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và có quy mô tối thiểu từ 7 thành viên trở lên;

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững;

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương;

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường;

- Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung mọi nguồn lực đầu tư và đặc biệt là ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giúp nâng cao đời sống người dân. Tuyên truyền, phát triển và củng cố hoạt động của các HTX, tổ hợp tác; tăng cường hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất, liên kết sản xuất, gắn với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” và tái cơ cấu ngành Nông nghiệp; tạo cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ đạo các HTX chuyển đổi hình thức quản lý theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Xây dựng phương án thành lập các hợp tác xã, vận động các hộ chăn nuôi, sản xuất tiểu thủ công nghiệp chuyển đổi từ quy mô hộ gia đình thành các tổ hợp tác, HTX. Tổ chức ký kết, liên kết với các doanh nghiệp cung cấp giống, vật tư và bao tiêu sản phẩm cho người dân.

+ Phối hợp, hướng dẫn Hợp tác xã Năm Quang Trung xây dựng sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao đối với sản phẩm Năm Sò, Năm Linh Chi và thực hiện

truy xuất nguồn gốc các sản phẩm gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương;

+ Thành lập tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả, có đủ số lượng, có quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ.

- Khối lượng thực hiện:

+ Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã: Xã có Hợp tác xã Tài Lực thành lập ngày 19/11/2013, tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (*có 07 thành viên có đơn xin gia nhập HTX, có giấy chứng nhận góp vốn củ HTX...*). Loại hình dịch vụ chăn nuôi tổng hợp cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm vùng, phục vụ thành viên HTX đều đảm bảo tỷ lệ các thành viên được cung cấp, sử dụng các dịch vụ từ HTX (*đạt mức tối thiểu 30%*). HTX được đánh giá, xếp loại khá theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*tại Văn bản số 1063/UBND-TCKH ngày 08/6/2022 của UBND huyện Lộc Hà*).

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: Có Mô hình chăn nuôi gà của HTX Tài Lực thôn Xuân Triều với quy mô 35.000 con gà lú có liên kết với Công ty Cổ phần TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star.

+ Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Có sản phẩm tiêu biểu là nắm sò của HTX nắm Quang Trung đã được chứng nhận ISO số W1204 ngày 24/9/2020, có hiệu lực đến ngày 23/9/2023 do Công ty Cổ phần chứng nhận WCERT cấp, có mã truy xuất nguồn gốc.

+ Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả: Có Tổ khuyến nông cộng đồng thành lập ngày 05/12/2022 với số lượng 7 thành viên, có quy chế hoạt động.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.14. Tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 tối thiểu 98%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại khá trở lên;

- Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 85\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Hàng năm làm tốt công tác điều tra phổ cập giáo dục các bậc học. Làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Phối hợp với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Định kỳ hàng năm tiến hành điều tra phổ cập giáo dục các bậc học.

+ Thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã đạt Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đạt

+ Xã đạt Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3

+ Xã đạt Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt mức độ 3.

+ Xã đạt Xóa mù chữ đạt mức độ 2.

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 có 141/141 đạt tỷ lệ 100%

+ Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá

+ Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt tỷ lệ 100%.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$;

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế;

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 25\%$;

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử $\geq 50\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Đầu tư kinh phí xây mới và nâng cấp Trạm y tế xã cả về cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo đạt các tiêu chí quốc gia về y tế xã; bổ sung trang thiết bị cho Trạm y tế xã đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ngoài đối tượng hộ nghèo và hộ cận nghèo tham gia Bảo hiểm y tế tự nguyện. Tổ chức điều tra cập nhật thông tin liên quan đến sức khỏe người dân và cân đo cho các trẻ dưới 5 tuổi theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia Bảo hiểm y tế tự nguyện;

+ Phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện kịp thời hoàn chỉnh hồ sơ, cấp thẻ bảo hiểm cho trẻ dưới 6 tuổi, đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện.

+ Xây dựng nhà trạm bao gồm đầy đủ các phòng chức năng theo quy định của Bộ y tế; mua sắm cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Bố trí đầy đủ đội ngũ cán bộ trạm y tế và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn đáp ứng việc khám và điều trị cho nhân dân.

+ Hàng tháng tổ chức cân đo cho các trẻ dưới 5 tuổi theo quy định.

+ Điều tra, cập nhật thông tin liên quan đến sức khỏe người dân.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế;

+ Tỷ lệ người dân tham gia BHYT là 6.616/6.925 người, đạt 95,5%

+ Số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi 84/599 trẻ, đạt tỷ lệ 14%.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới $\geq 80\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tập trung chỉ đạo xây dựng các thôn văn hóa theo lộ trình. Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn liền với xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên vận động nhân dân thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển tốt

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn liền với xây dựng nông thôn mới.

+ Xây dựng 11/11 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa.

- Khối lượng thực hiện:

11/11 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa, đạt 100%. 100% thôn có hương ước. Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt chuẩn.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định $\geq 45\%$, trong đó 20% từ hệ thống cấp nước tập trung;
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 95\%$;
- Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung;
- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2/người$;
- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch;
- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 75\%$;
- Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$;
- Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 70\%$;
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%;
- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$;
- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng các công trình nước sạch như: Nước máy từ công trình cấp nước tập trung, giếng khoan, giếng đào, bể chứa nước mưa, mua máy lọc xử lý nước. Tổ chức tuyên truyền, vận động ký cam kết bảo vệ môi trường đối với các hộ có hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng năm hưởng ứng tết trồng cây và các mùa vụ phát động nhân dân, các trường học, trạm y tế trồng cây bóng mát, cây ăn quả. Thường xuyên tổ chức các đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp trong vườn hộ, cơ quan, công sở, đường làng ngõ xóm. Hợp tác xã môi trường đã làm tốt việc thu gom, xử lý rác thải. Quản lý tốt việc khai thác, sử dụng đất nghĩa trang của các dòng họ. Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện hiện tốt phong trào “5 không,

3 sạch”, cải tạo vườn tược, chỉnh trang vườn hộ trong khu dân cư. Tổ chức kiểm tra, rà soát các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các chủ cơ sở.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Vận động nhân dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; lấy mẫu xét nghiệm nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia.

+ Tổ chức cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ ký cam kết xử lý chất thải đạt quy chuẩn về môi trường.

+ Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt đến nhà máy xử lý tập trung của huyện.

+ Quản lý, thực hiện mai táng theo quy định và theo hương ước của địa phương tại các nghĩa trang được quy hoạch.

+ Không để xảy ra tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường.

+ Có Hương ước, quy ước đối với từng khu dân cư với sự tham gia của tất cả các hộ, cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải rắn, nước thải.

+ Vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch;

+ Xây dựng, chỉnh trang chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

+ Vận động gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Khối lượng đã thực hiện:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Tỷ lệ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 1.920/2.180 hộ, đạt 87,6% trong đó tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1.200 hộ/2.180 hộ, đạt 56,12%;

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Xã có 511 đơn vị sản xuất kinh doanh (bao gồm cả nhỏ lẻ), 15 cơ sở có hồ sơ về bảo vệ môi trường cấp huyện phê duyệt. Tỷ lệ cơ sở đạt các quy định về bảo vệ môi trường 98%.

+ Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

Xã đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND xã về việc thực hiện xây dựng cảnh quan môi trường, không gian xanh-sạch-đẹp, an toàn trên địa bàn xã Bình An, giai đoạn 2023-2025; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND xã Ban hành quy chế bảo vệ môi trường trên địa bàn xã; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND xã về

việc ra quân làm vệ sinh môi trường trước, trong và sau Tết Quý Mão 2023; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND xã về việc phát động phong trào Tết trồng cây năm 2023.

Số hộ chỉnh trang hàng rào: $2.209/2.255 = 98\%$; Số hộ chỉnh trang hàng rào xanh: $1.674/2.255 = 74,2\%$.

Toàn xã có 21 tuyến đường do các Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và các chi hội quản lý. Nhìn chung cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn. Công tác triển khai về tổng vệ sinh môi trường trên toàn xã triển khai vào các ngày 08,18,28 trong tháng. Các tuyến đường có mương đảm bảo thoát nước trong khu dân cư.

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $4m^2/người$;

+ Đã ban hành quy chế, hương ước quản lý nghĩa trang và quản lý theo quy hoạch được duyệt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

Để tăng cường công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, UBND xã đã ban hành Đề án số 02/ĐA ngày 4/3/2020 về việc thu gom xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã Bình An giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc chỉ định đơn vị vận chuyển, thu gom rác thải; Hồ sơ thành lập HTX vệ sinh môi trường Bình Lộc. Tỷ lệ chất thải xử lý đúng quy định đạt 77,6%.

+ Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xã đã ban hành Đề án số 02/ĐA ngày 4/3/2020 về việc thu gom xử lý chất thải rắn trên địa bàn xã Bình An giai đoạn 2020 - 2025; Có Hợp đồng Thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Xã đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 10/2/2023 của Ban chỉ đạo chương trình xây dựng NTM về việc thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2023; Kế hoạch số 07/KH-BTV của BTV Phụ nữ xã ngày 05/2/2023 thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch năm 2023; Công văn số 13/UBND ngày 06/2/2023 về việc rà soát hộ có công trình vệ sinh 1, ngăn, 2 ngăn có nhu cầu xây dựng nhà vệ sinh tự hoại.

Tỷ lệ Nhà tắm hợp vệ sinh: $2.134/2.255 = 94,6 \%$

Tỷ lệ Nhà tiêu hợp vệ sinh: $2.091/2.255 = 92,7\%$

Tỷ lệ Bể chứa nước hợp vệ sinh: $2.130/2.255 = 95\%$

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Tổng số hộ chăn nuôi của xã 405 hộ, số hộ đạt 295 hộ, đạt tỷ lệ 73%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:

Xã đã tiến hành rà soát và ký cam kết sản xuất nông lâm thủy sản an toàn cho 115/115 cơ sở, đạt 100%; đồng thời tổ chức kiểm tra việc thực hiện ký cam kết của các cơ sở theo quy định. Trong đó: Lĩnh vực Nông nghiệp: 68 cơ sở; lĩnh vực công thương: 47 cơ sở.

Có 12/12 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận ATTP đã được cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực, đạt 100%. Trong đó: Lĩnh vực Nông nghiệp: 03 cơ sở; lĩnh vực công thương: 05 cơ sở; lĩnh vực y tế: 04 cơ sở.

+ Tỷ lệ hộ gia đình phân loại rác tại nguồn: $1.512/2155 = 67\%$

+ Chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Xã đã ban hành Công văn số 17/UBND ngày 09/2/2023 của UBND xã về việc phát động phong trào chống rác thải nhựa; Báo cáo số 23/BC-UBND xã Bình An ngày 19/3/2023 về kết quả triển khai thực hiện phong trào chống rác thải nhựa. Tỷ lệ thu gom, xử lý: 57,5%

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn;
- Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: 100%;
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội;
- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong

thời kỳ CNH-HĐH. Sau sáp nhập xã, cấp ủy, Chính quyền đã tập trung chỉ đạo, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng nguồn, sắp xếp bố trí công tác tại địa phương. Hàng năm BCH Đảng bộ ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng, củng cố các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội, chỉ đạo triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Quan tâm đến công tác bình đẳng giới, đặc biệt là trong công tác cán bộ luôn ưu tiên quy hoạch cán bộ nữ vào các vị trí chủ chốt; công tác phòng chống bạo lực gia đình và phổ biến pháp luật, hòa giải cơ sở được chú trọng thực hiện thường xuyên.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Làm tốt công tác sắp xếp, bố trí, đánh giá cán bộ đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch, chính sách thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức.

+ Tập trung lãnh đạo, không ngừng củng cố xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị vững mạnh.

+ Thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng nguồn cán bộ từng thời kỳ, hàng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, đặc biệt là cán bộ nữ.

+ Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật và hòa giải cơ sở; ban hành văn bản kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu tiến độ;

+ Xây dựng chuyên mục phát thanh PBGDPL trên loa truyền thanh, hàng tuần với nhiều nội dung đa dạng phong phú để phát trên loa cho nhân dân nghe.

+ Kiện toàn tổ hòa giải trên 11 thôn, tổ chức bồi dưỡng cho các tổ trưởng tổ hòa giải cơ sở và tổ viên, cung cấp tài liệu hướng dẫn cho tổ hòa giải. Các vụ việc phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định.

+ Công khai minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Tuyên truyền công tác phòng chống bạo lực gia đình và thực hiện bình đẳng giới.

- Khối lượng thực hiện:

+ Cán bộ, công chức hiện có: 20 người; đạt chuẩn 20/20 cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ 100%;

+ Đảng bộ, chính quyền xã Bình An được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã Bình An được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

+ Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Xã đã có cán bộ nữ chủ chốt giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐND xã. Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tình trạng bạo lực gia đình được hạn chế. Có 01 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cộng đồng đóng ở trụ sở Công an xã nhằm hỗ trợ giúp đỡ các trường hợp bị bạo lực gia đình.

+ Có Kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả của Ban Phát triển thôn.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng;

- Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”, xây dựng tốt lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Làm tốt công tác phòng ngừa, tổ chức các đợt đấu tranh phòng, chống tội phạm. Kiện toàn lực lượng công an viên đảm bảo đủ về số lượng, trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xây dựng tổ chức biên chế BCH quân sự xã, thôn đội trưởng và lực lượng dân quân nòng cốt;

+ Tổ chức huấn luyện, diễn tập cho các đối tượng dân quân đúng, đủ thời gian và đảm bảo chất lượng.

+ Xây dựng quy chế phối hợp giữ Quân sự - Công an, các đoàn thể cấp xã theo Nghị định 133, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu.

+ Tổ chức giáo dục quốc phòng an ninh cho các đối tượng đảm bảo theo quy định.

+ Hàng năm Đảng ủy có Nghị quyết về đảm bảo an ninh trật tự; UBND xã có các Kế hoạch, giao trách nhiệm cho từng thành viên trong Ban an ninh trật tự từ

xã đến thôn. Phối hợp với UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể và quần chúng nhân dân phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Phối hợp chặt chẽ phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với phong trào xây dựng Nông thôn mới đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội ở khu dân cư, củng cố kiện toàn các tổ hòa giải cơ sở. Chủ động phát hiện các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Chỉ đạo mở rộng các mô hình liên gia tự quản, gia đình, thôn xóm không có ma túy và tệ nạn xã hội.

- Khối lượng thực hiện:

+ Ban CHQS cấp xã biên chế 4 đồng chí, gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó; Chỉ huy phó; Mỗi thôn có 01 đồng chí thôn đội trưởng biên chế 11 đồng chí.

+ Tổ chức huấn luyện cho các đối tượng dân quân đúng, đủ thời gian và đảm bảo chất lượng đạt kết quả tốt. (Đạt giải nhất cụm 2023)

+ Xây dựng quy chế phối hợp giữa Quân sự - Công an và các loại kế hoạch sẵn sàng chiến đấu.

+ BCH quân sự xã hàng năm đều đạt đơn vị quyết thắng.

+ Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

+ Tội phạm và tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước.

+ Các mô hình về phòng, chống tội phạm gắn với phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả, gồm: mô hình “Tổ liên gia tự quản về ANTT”, mô hình “Camera an ninh”, mô hình “Tổ liên gia an toàn về phòng cháy chữa cháy”, mô hình “Điềm cháy công cộng”.

+ Có 11/11 thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. Đạt 100 %.

+ Công an xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên liên tục trong nhiều năm.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

3.20. Tiêu chí số 20 về Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Tất cả các thôn, bản phải đạt tối thiểu 70% yêu cầu của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó có ít nhất 03 thôn, bản đạt 100% yêu cầu theo Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Sau khi có các văn bản chỉ đạo của cấp tỉnh, huyện, xã đã tiến hành thành lập BCD xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu; tổ chức khảo sát tại các thôn và lựa chọn 6 thôn làm thôn chỉ đạo điểm, các thôn còn lại đồng thời cùng triển khai. Tập huấn cho người dân về kiến thức xây dựng các tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, lập phương án dự toán. Tổ chức họp thôn triển khai và thống nhất các nội dung để đưa vào phương án – dự toán triển khai; tập huấn cho cán bộ xã và đội ngũ cán bộ cốt cán của thôn về vẽ sơ đồ vườn hộ. Đồng thời phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, các tổ chức đoàn thể phụ trách các tiêu chí, các vườn và các thôn cụ thể để chỉ đạo thực hiện. Hàng tuần tổ chức giao ban đánh giá kết quả thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện
- + Ban hành Quyết định thành lập BCD xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu và phân công nhiệm vụ thực hiện;
- + Khảo sát, thiết kế sơ đồ vườn hộ;
- + Lập phương án - dự toán khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu;
- + Xây dựng hàng rào xanh, chỉnh trang vườn hộ, chỉ đạo phát triển kinh tế vườn;
- + Xây dựng hoàn thiện các công trình hạ tầng như đường giao thông, nhà văn hóa và khu thể thao thôn, hệ thống điện,...
- + Vận động, hướng dẫn các hộ dân chỉnh trang, sắp xếp nhà ở, vườn hộ và công trình chăn nuôi, công trình phụ trợ.
- + Chỉ đạo các vườn mẫu hoàn thành 5 tiêu chí.
- + Thường xuyên tổ chức ra quân vệ sinh môi trường, thu gom rác thải; chỉnh trang và di dời các công trình vệ sinh, công trình chăn nuôi chưa hợp lý,...
- Khối lượng thực hiện:
- + Toàn xã có 4/11 thôn (thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn Quyết Thắng) đạt 10/10 tiêu chí Khu dân cư mẫu theo Quyết định 33/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tĩnh và bổ sung, nâng cao theo Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
- 7 thôn còn lại đạt từ 70% trở lên các nội dung của tiêu chí Khu dân cư NTM kiểu mẫu, đạt 6 - 9 tiêu chí theo Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

c. Đánh giá mức độ đạt chuẩn: Đạt

(Có biểu tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kèm theo)

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới:

- Nợ đọng XDCB thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến hết ngày 31/12/2014 trên địa bàn huyện Lộc Hà: Không.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31/12/2014 đến 31/12/2015: Không.

- Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu chưa thanh toán đến ngày 31/8/2023 là 1.118,1 triệu đồng của 09 công trình thuộc tiêu chí cấp xã. Kinh phí do ngân sách xã đảm bảo.

- Về cân đối nguồn lực: Đối với số vốn còn thiếu 1.118,1 triệu đồng được UBND xã bố trí thanh toán từ nguồn tiền đất của 11 lô xen dăm vùng Cây dứa thôn 01 và thôn 03; dự kiến thu 3,3 tỷ đồng; ngân sách xã hưởng 1,2 tỷ đồng. Đã có phương án bố trí theo Nghị quyết số 22NQ-HĐND ngày 22/01/2023 của HĐND xã về việc phân bổ dự toán ngân sách và đầu tư phát triển năm 2023.

Như vậy, UBND xã Bình An đã đảm bảo cân đối được nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

5.1. Quan điểm

Xác định Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã nhà, thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và chỉ có điểm khởi đầu mà không có điểm kết thúc. Sau khi đã được công nhận đạt chuẩn NTM, xã tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững. Tập trung rà soát, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 của UBND tỉnh về xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu với quan điểm xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, tiến tới phấn đấu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

5.2. Mục tiêu

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo đồng bộ, hiện đại và vẫn giữ được bản sắc của văn hóa nông thôn truyền thống;

- Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững;

- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, y tế, văn hóa trên địa bàn xã;

- Chú trọng bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, bền vững;

- Giữ vững an ninh, trật tự xã hội: Xây dựng nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu; tổ chức các mô hình cộng đồng tự quản bảo vệ an ninh TTXH ở thôn, xóm.

5.3. Nội dung và giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới

- Thực hiện đúng các quy hoạch nông thôn mới, đồng thời rà soát, bổ sung điều chỉnh, sửa đổi quy hoạch cho phù hợp thực tế địa phương.

- Hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã: Nâng cấp thảm nhựa 5 km đường thôn và liên thôn; đổ bê tông 1,87km đường nội đồng; 0,8km rãnh thoát nước trong khu dân cư. Tỷ lệ đường trục xã, trục thôn trong khu dân cư có đường điện chiếu sáng đạt 100%.

- Nâng cao cơ sở vật chất, thiết bị các trường học.

- Xây dựng mô hình công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm sạch, an toàn.

- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp như khâu làm đất trên 95%, khâu thu hoạch (đối với lúa) 100%.

- Tập trung triển khai phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chủ lực trên địa bàn xã theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đảm bảo thu nhập bình quân đầu người hàng năm.

- Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã.

- Nâng cao tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh và tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh có tính bền vững.

- Tổ chức thực hiện công tác duy tu, bảo trì các công trình, đảm bảo nâng cao hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã như giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, trường học, trạm y tế, thông tin và truyền thông nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Tổ chức đào tạo 4 - 5 lớp nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên.

- Có ít nhất 04 HTX, 10 Tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, có giá trị sản lượng nông sản liên kết tiêu thụ giữa nông dân (hoặc HTX, THT) với các đối tác kinh tế khác đạt mức tối thiểu 03 tỷ đồng/năm.

- Nâng cao chất lượng môi trường nông thôn. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ, cải thiện cảnh quan, môi trường nơi sinh sống và sản xuất.

- Xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới, phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- Nhân rộng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên toàn xã phấn đấu xây dựng thêm 3 thôn hoàn thành 10 tiêu chí khu dân cư kiểu mẫu, 25 - 27 vườn mẫu.
- Tiếp tục tổ chức đào tạo cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM.
- Các tổ chức chính trị - xã hội của xã có đề án tham gia xây dựng NTM, hàng năm triển khai thực hiện có kết quả cụ thể.
- Định kỳ tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ công và kết quả xây dựng NTM trên địa bàn xã.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại và dịch vụ trên địa bàn; Nâng cao tỷ lệ nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng lên 100%.
- Nâng cao chất lượng công tác dạy và học ở các cấp. Tiếp tục nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).
- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn xã. Nâng cao tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế đạt trên 95% năm 2023.
- Thực hiện tốt cải các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định về thời gian và chất lượng.

II. Kết luận

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đánh giá từng tiêu chí và Hồ sơ đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM đầy đủ, đúng quy định.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới

Tổng số tiêu chí NTM của xã Bình An đã được Ủy ban nhân dân huyện Lộc Hà thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới:

- Nợ đọng XDCB thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến hết ngày 31/12/2014 trên địa bàn huyện Lộc Hà: Không.

- Nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh sau ngày 31/12/2014 đến 31/12/2015: Không.

- Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu chưa thanh toán đến ngày 31/8/2023 là 1.118,1 triệu đồng của 09 công trình thuộc tiêu chí cấp xã. UBND xã bố trí thanh toán từ nguồn tiền đất của 11 lô xen dăm vùng Cây dứa thôn 01 và thôn 03.

Như vậy, UBND xã Bình An đã đảm bảo cân đối được nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

III. Kiến nghị

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh và các Sở, ngành chức năng của tỉnh kiểm tra, thẩm định, xét thừa nhận xã Bình An đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2023 đối với xã Bình An của UBND huyện Lộc Hà./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, BCĐ NTM tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- TTr Huyện ủy, TTr HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ huyện;
- Các phòng, ban, ngành cấp huyện;
- Đảng ủy; UBND xã Bình An;
- Lưu: VT, NTM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn An